

Bản án số: 21/2025/HC-PT
Ngày 07-01-2025
V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa;

Ông Lê Văn An.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 783/2024/TLPT-HC ngày 04 tháng 10 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 963/2022/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3413/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Trịnh Thị Hồng C, sinh năm 1957. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Số B L, Khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Đoan T. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Số C N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 005069 lập ngày 26/02/2021 tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Đình D – Đoàn Luật sư Thành phố H. (*Có mặt*)

Địa chỉ: C N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng T1 - Chủ tịch UBND thành phố T.
(*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Số A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Hồ Văn P; Chức vụ: Phó trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (*Vắng mặt*)

2. Ông Nguyễn Lương T2; Chức vụ: Phó trưởng Phòng nghiệp vụ 6, thuộc Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (*Vắng mặt*)

3. Ông Ngô Văn V; Chức vụ: Phó Trưởng Phòng tiếp công dân Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (*Có mặt*)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Hương G, sinh năm 1983. (*Có mặt*)

2. Bà Nguyễn Hà Nhật A, sinh năm 1993. (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Số B L, Khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người kháng cáo:* Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, bà Trịnh Thị Hồng C và người đại diện hợp pháp trình bày:

Bà C và ông Nguyễn Quang H là vợ chồng có quyền sử dụng diện tích khoảng 454m² tại địa chỉ B đường L, phường L, quận T (nay là thành phố T). Đất trên có nguồn gốc do bà C nhận chuyển nhượng khoảng 350m² của ông Lê Quang T3 vào ngày 24/4/1986 và nhận chuyển nhượng khoảng 100m² của ông Nguyễn Văn B ngày 28/01/1992. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà C tiếp tục sống tại căn nhà cũ, năm 1998 vợ chồng bà C sửa chữa và xây dựng thêm nhà. Hàng năm bà C đều thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước, các biên lai đóng thuế đều ghi nhận nội dung thu thuế đất ở tại đô thị.

Ngày 29/5/2020, UBND quận T ban hành Quyết định số 3382/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp đường L (V) tại phường L, quận T cho bà C và ông H. Theo đó, thu hồi 33,2m² đất, số tiền hỗ trợ đất nông nghiệp 5.922.900 đồng (đơn giá 190.000 đồng/m²), tiền thưởng: 3.750.000 đồng; Tổng cộng: 9.672.900 đồng.

Ngày 25/9/2020, UBND quận T ban hành Quyết định số 5693/QĐ-UBND về việc điều chỉnh thông tin chủ tài sản tại địa chỉ giải tỏa số B đường L, phường L, quận T (thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 13, tài liệu bản đồ 2004), bị ảnh hưởng trong phạm vi thực hiện dự án xây dựng công trình nâng cấp đường L (V), phường L, quận T. Theo đó điều chỉnh thông tin chủ tài sản từ “Ông Nguyễn Quang H – bà Trịnh Thị Hồng C” thành “bà Trịnh Thị Hồng C và những người

thừa kế của ông Nguyễn Quang H (đã chết)". Những người thừa kế của ông Nguyễn Quang H gồm: Bà Trịnh Thị Hồng C (vợ), Nguyễn Hương G (con ruột) và Nguyễn Hà Nhật A (con ruột). Các nội dung khác của Quyết định số 3382/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 giữ nguyên không thay đổi.

Trong quá trình thu hồi đất, UBND quận T đo đạc không chính xác, phần đất bà C bị thu hồi là 60m² nhưng UBND quận T xác định chỉ có 33,2m². Hơn nữa, UBND quận T chỉ bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá đất nông nghiệp là 190.000 đồng/m², trong khi phần đất bị thu hồi của gia đình bà C đang sử dụng với mục đích là đất ở.

Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ; điểm a Khoản 1 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND của UBND Thành phố H thì phần đất bị thu hồi 33,2m² của bà C được hỗ trợ theo đơn giá đất ở.

Do đó, bà Trịnh Thị Hồng C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3382/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 và Quyết định số 5693/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND quận T.

Người bị kiện trình bày:

Trong phạm vi thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đường L (V) tại phường L, thành phố T theo Quyết định số 5812/QĐ-SGTVT ngày 29/10/2016 của Sở Giao thông vận tải Thành phố H, bà Trịnh Thị Hồng C và những người thừa kế của ông Nguyễn Quang H (chết) ngụ tại địa chỉ B đường L, phường L, thành phố T có phần đất diện tích 33,2m² và tài sản trên đất nằm trong ranh giải tỏa.

Ngày 07/12/2017, UBND quận T ban hành Thông báo thu hồi đất số 1114/TB-UBND thu hồi đất tại địa chỉ B đường L, phường L, diện tích đất dự kiến thu hồi 33,2m² thuộc một phần thửa đất số 37 và (a) đường, tờ bản đồ số 13 (Tài liệu bản đồ địa chính năm 2005), phường L.

Ngày 19/12/2017, với sự chứng kiến của bà Trịnh Thị Hồng C, tổ công tác gồm đại diện Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận T, Ban Q quận T và UBND phường L đã tiến hành kiểm đếm đất và tài sản trên đất thuộc phạm vi thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp đường L (V) tại phường L do bà C và ông H sử dụng thuộc phạm vi giải tỏa, bao gồm: Thiệt hại về đất 33,2m² thuộc một phần thửa đất số 37 và (a) đường, tờ bản đồ số 13 (Tài liệu bản đồ địa chính năm 2004), hiện trạng sử dụng: Nhà ở; Thiệt hại về nhà ở, công trình vật kiến trúc gắn liền với đất: Nhà (kết cấu: sắt, gạch + tôn, xi măng, mái tôn) diện tích 16,7m², sân xi măng: 16,5m²; Thiệt hại về cây trồng: 01 cây trứng cá, 02 cây bàng.

Căn cứ Bản đồ hiện trạng số 08/2017/HĐ-GPMB (LT-32) do Trung tâm D1 lập ngày 20/7/2017; Biên bản kiểm đếm ngày 19/12/2017 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng và Thông báo thu hồi đất số 1114/TB-UBND ngày 07/12/2017. Ngày 28/6/2019, UBND phường L Giấy xác nhận số 25/GXN-UBND (điều chỉnh, thay thế Giấy xác nhận số 103/GXN-UBND ngày 14/11/2018) về nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà, đất; thời điểm xây dựng, tạo

lập nhà và công trình bị giải tỏa của ông Nguyễn Quang H, bà Trịnh Thị Hồng C, như sau:

Địa chỉ giải tỏa: Số B, đường L, khu phố A, phường L, quận T. Diện tích giải tỏa: 33,2m² thuộc một phần thửa đất số 37 và đường, tờ bản đồ số 13 (Tài liệu bản đồ địa chính năm 2004).

Tình trạng đăng ký nhà đất: Theo tài liệu 299/TTg: Đề nghị cập nhật ranh tài liệu bản đồ trong hồ sơ kỹ thuật dự án. Theo tài liệu 02/CT-UB: UBND phường không có tài liệu. Theo tài liệu 2004: Thuộc một phần thửa đất số 37 và đường, tờ bản đồ số 13. Đăng ký theo Quyết định 3376/QĐ-UB-QLĐT.

Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Phần đất diện tích 30,2m² (thuộc thửa 37-1) có nguồn gốc trước năm 1975 là khu đất trồng thuộc vành đai Nhà máy D2. Sau năm 1975, Nhà nước tiếp quản nhà máy D2 đổi tên thành Công ty D3; ông Nguyễn Văn B tự vào sử dụng và chuyển nhượng cho bà Trịnh Thị Hồng C sử dụng từ trước ngày 15/10/1993 đến nay (chưa được cấp giấy chứng nhận). Phần đất diện tích 3,0m² (thuộc a đường): có nguồn gốc do bà Trịnh Thị Hồng C tự sử dụng sau ngày 01/7/2004.

Quá trình tạo lập nhà, vật kiến trúc khác: Nhà (ngoài ranh dự án): xây dựng trong khoảng thời gian từ sau ngày 30/9/1995 trước ngày 01/7/2004. Nhà (trong ranh dự án): xây dựng trong khoảng thời gian từ sau ngày 30/9/1995 đến trước ngày 01/7/2004 với diện tích 10m². Sử dụng đến sau ngày 01/7/2006, xây dựng lại nhà như hiện nay. Sân xi măng (trong ranh dự án) xây dựng sau ngày 01/7/2006.

Thông tin quy hoạch: Theo Quyết định số 6982/QĐ-UB-QLĐT ngày 30/9/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc phê duyệt lộ giới tuyến đường L (20m).

Tình trạng tranh chấp: Theo hồ sơ lưu trữ tại UBND phường L, hiện trạng nhà đất không có đơn tranh chấp, khiếu nại.

Vị trí nhà đất: Mặt tiền đường L.

Ngày 29/5/2020, UBND quận T ban hành Quyết định số 3380/QĐ-UBND về thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp đường L (V), phường L đối với phần diện tích 33,2m² của ông Nguyễn Quang H – bà Trịnh Thị Hồng C sử dụng, thuộc một phần thửa đất số 37 và đường (a), tờ bản đồ số 13, Bộ địa chính phường L (theo tài liệu bản đồ địa chính năm 2004), vị trí ranh giới khu đất được xác định theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 08/2017/HĐ-GPMB (LT-32) do Trung tâm D1 lập ngày 20/7/2017.

Căn cứ Điều 75, Khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 11 Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố H; Căn cứ Mục 1 Phần III, điểm c khoản 8.2 Mục 8 Phần III Chính sách số 40/CS-HĐBT ngày 29/5/2020 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà

nước thu hồi đất để thực hiện dự án nâng cấp đường L (V), phường L, thành phố T.

Ngày 29/5/2020, Hội đồng bồi thường của dự án nâng cấp đường L (V) lập Phương án số 39/PA-HĐBT về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đường L (V), phường L đối với ông Nguyễn Quang H, bà Trịnh Thị Hồng C (đã được Ủy ban nhân dân quận T – nay là thành phố T phê duyệt tại Quyết định số 3381/QĐ-UBND ngày 29/5/2020), với tổng giá trị là 9.672.900 đồng, trong đó:

Hỗ trợ đất nông nghiệp: hỗ trợ bằng 100% giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm do Ủy ban nhân dân Thành phố H quy định, vị trí 1 mặt tiền đường L (thuộc thửa 37-1), đất chưa được cấp giấy chứng nhận có nguồn gốc: trước năm 1975 là khu đất trống thuộc Vành đai nhà máy D2. Sau năm 1975, Nhà nước tiếp quản nhà máy D2 đổi tên thành Công ty D3, ông Nguyễn Văn B tự vào sử dụng và chuyển nhượng cho bà Trịnh Thị Hồng C sử dụng từ trước ngày 15/10/1993 đến nay. Trên đất có nhà xây dựng sau ngày 30/9/1995: Diện tích 30,2m² x hệ số hỗ trợ 1 x hệ số giá 1 x đơn giá hỗ trợ 190.000 đồng/m² = 5.738.000 đồng. Phần diện tích đất 3,0m² theo tài liệu bản đồ 2004 thuộc đường (a1) do bà Trịnh Thị Hồng C tự sử dụng sau ngày 01/7/2004: Không bồi thường, không hỗ trợ.

Nhà, vật kiến trúc: nhà diện tích 16,7m² (kết cấu: cột sắt, tường gạch-tôn, nền xi măng, mái tôn) xây dựng không phép sau ngày 30/9/1995 đến trước ngày 01/7/2004. Sử dụng đến sau ngày 01/7/2006, xây dựng lại nhà không phép: Không đủ điều kiện bồi thường hỗ trợ.

Sân xi măng xây dựng không phép sau ngày 01/7/2006: Không đủ điều kiện bồi thường hỗ trợ. Bồi thường hoa màu: 184.900 đồng. Thương chấp hành tốt việc di dời: 3.750.000 đồng.

Cùng ngày 29/5/2020, UBND quận T ban hành Quyết định số 3382/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đường L (V) đối với ông Nguyễn Quang H, bà Trịnh Thị Hồng C, với tổng số tiền là 9.672.900 đồng.

Căn cứ vào nguồn gốc pháp lý sử dụng đất, thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất, vị trí nhà đất Hội đồng bồi thường của dự án xem xét hỗ trợ theo nguồn gốc đất chiếm dụng bằng 100% giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm do UBND Thành phố H quy định, vị trí 1 mặt tiền đường L là 190.000 đồng/m² theo quy định. Tuy nhiên hiện nay, Hội đồng bồi thường của dự án đang rà soát nguồn gốc quá trình sử dụng đất của các trường hợp thuộc Vành đai nhà máy D2 để báo cáo Ban Chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Thành phố Hồ Chí Minh xin chính sách hỗ trợ cho phù hợp với quá trình sử dụng của từng hộ dân bị ảnh hưởng tại khu đất trống thuộc Vành đai nhà máy D2 nay là Công ty D3 (trong đó có trường hợp của bà Trịnh Thị Hồng C). Khi có ý kiến hướng dẫn, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Thành phố H, Hội đồng bồi thường của dự án sẽ áp giá hỗ trợ bổ sung (nếu có).

Nhận thấy, quá trình thu hồi đất, chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp của bà Trịnh Thị Hồng C được UBND quận T, Hội đồng bồi thường

giải phóng mặt bằng của dự án thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. UBND thành phố T giữ nguyên Quyết định số 3382/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 và Quyết định số 5693/QĐ-UBND ngày 25/9/2020. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 963/2022/HC-ST ngày 30 tháng 06 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Căn cứ: Khoản 1, 2 Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32, điểm a Khoản 2 Điều 116, Khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điểm a Khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Hồng C.

Hủy Quyết định số 3382/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đường L (V) tại phường L, thành phố T và Quyết định số 5693/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh thông tin chủ tài sản tại địa chỉ B L, phường L, thành phố T (thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 13, tài liệu bản đồ 2004) bị ảnh hưởng trong phạm vi thực hiện dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đường L (V) tại phường L, thành phố T.

Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm ban hành quyết định chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đất bị thu hồi cho hộ bà Trịnh Thị Hồng C bị ảnh hưởng bởi dự án đầu tư Xây dựng công trình nâng cấp đường L (V), phường L, thành phố T theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/07/2022, Ủy ban nhân dân thành phố T kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 44/2023/HC-PT ngày 09 tháng 02 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 963/2022/HC-ST ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15/5/2023, Ủy ban nhân dân thành phố T có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên.

Ngày 15/4/2024, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 07/2024/KN-HC kháng nghị đối với Bản án hành chính

phúc thẩm số 44/2023/HC-PT ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 26/2024/HC-GĐT ngày 09 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với nội dung như trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và các nội dung đã trình bày trong quá trình xét xử sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C. Đối với việc xin ý kiến của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Thành phố H có chính sách hỗ trợ thêm cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án, đến nay vẫn chưa có kết quả. Phần diện tích đất còn lại sau khi thu hồi bà C có quyền lập hồ sơ kê khai và xin cấp GCNQSD đất theo quy định hiện hành.

Đại diện theo ủy quyền của bà C và bà Nguyễn Hương G yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm do đã xét xử đúng quy định, nguồn gốc đất sử dụng bị thu hồi là do nhận chuyển nhượng chứ không lấn chiếm đất công.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C cho rằng đồng ý một phần đối với kháng cáo của người bị kiện và đề nghị sửa bản án sơ thẩm ở phần Nhận định của án sơ thẩm về quá trình sử dụng đất của bà C là trước ngày 01/6/1993 và sửa phần đơn giá do diện tích đất bị thu hồi so với toàn bộ diện tích bà C sử dụng vượt hạn mức đất ở nên bà C chỉ được xem xét loại đất bị thu hồi là đất nông nghiệp với đơn giá hỗ trợ là 190.000 đồng/m² – giá này chưa được tính với hệ số 4.0 và lại được áp dụng theo các quyết định về giá đã hết hiệu lực pháp luật. Do vậy, quyết định hỗ trợ của UBND thành phố T là chưa phù hợp, cần điều chỉnh. Theo đó thì vẫn phải hủy quyết định bồi thường như yêu cầu khởi kiện của bà C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo được làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập, án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ và tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo đã trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do đất thu hồi có một phần thuộc hành lang lộ giới, bà C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất và phần tổng diện tích sử dụng của bà đã vượt hạn mức đất ở nên không xem diện tích bị thu hồi là đất ở như xác định của UBND thành phố T là đúng. Trường hợp sử dụng đất của bà C không đủ điều kiện để được bồi thường mà chỉ được xem xét

hỗ trợ. Về diện tích đất bị thu hồi cũng như đơn giá đã được phê duyệt đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Hồng C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của người bị kiện làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Đối với việc vắng mặt của người bị kiện có yêu cầu xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hà Nhật A tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính do đã triệu tập hợp lệ.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện, bà Trịnh Thị Hồng C yêu cầu hủy Quyết định số 3382/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp đường L (V) tại phường L, thành phố T và Quyết định số 5693/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh thông tin chủ tài sản tại địa chỉ B L, phường L, thành phố T.

Lý do khởi kiện là về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, bà và chồng là ông Nguyễn Quang H có quyền sử dụng diện tích khoảng 454m² tại địa chỉ B L, phường L, quận T (cũ) từ việc nhận chuyển nhượng của ông Lê Quang T3 vào ngày 24/4/1986, diện tích khoảng 350m² và nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn B vào ngày 28/01/1992, diện tích khoảng 100m². Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà C tiếp tục sống tại căn nhà cũ và đến năm 1998 thì sửa chữa, xây dựng thêm nhà. Hàng năm gia đình đều thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước, có biên lai thuế ghi nhận nội dung là đất ở đô thị. Ngày 29/5/2020, UBND quận T ban hành Quyết định số 3382/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp đường

L (V) tại phường L, quận T cho bà C, nội dung thu hồi 33,2m² đất, số tiền hỗ trợ đất nông nghiệp 5.922.900 đồng (đơn giá 190.000 đồng/m²), tiền thưởng 3.750.000 đồng là không đúng về loại đất và chỉ hỗ trợ mà không bồi thường là chưa đúng thực tế. Ngoài ra, quá trình thu hồi đất đo đạc không chính xác, phần đất gia đình bà C bị thu hồi là 60m² nhưng UBND quận chỉ xác nhận có 33,2m² và hỗ trợ theo đơn giá đất nông nghiệp là không chính xác vì đất của bà là đất ở.

[2.1] Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khiếu kiện:

- Xét thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định 3382/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 và Quyết định số 5693/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND quận T đã thực hiện đúng theo quy định của Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Điều 66, 67, 69 Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, các quyết định đã được tổng đạt hợp lệ cho bà Trịnh Thị Hồng C.

- Về nội dung các quyết định hành chính bị kiện:

Các tài liệu về quá trình sử dụng đất của gia đình bà Trịnh Thị Hồng C thể hiện, diện tích 33,2m² đất của bà C bị thu hồi có 30,2m² đất thuộc phần nhận chuyển nhượng từ ông Lê Quang T3 (năm 1986) và ông Nguyễn Văn B (năm 1992), có nguồn gốc trước năm 1975 là khu đất trồng thuộc vành đai Nhà máy D2. Sau năm 1975, Nhà nước tiếp quản nhà máy và đổi tên thành Nhà máy D4. Diện tích 3,0m² còn lại gia đình bà C lấn chiếm, sử dụng sau ngày 01/7/2004. Năm 1999, bà C mới đăng ký nhà đất với diện tích 454m², trên đất có căn nhà diện tích 120m² với mục đích sử dụng là đất để ở nhưng chưa được cấp GCNQSD đất. Năm 2001, bà C xây nhà trên đất và bị UBND quận T xử phạt vi phạm hành chính do xây dựng không phép trên diện tích đất 59,67m² do UBND phường L quản lý và diện tích 14,3m² nằm trong lộ giới đường L (Quyết định số 179/QĐ-UB ngày 25/4/2001). Đến ngày 13/11/2006, bà C tiếp tục có Đơn xin cấp GCNQSD đối với diện tích 329,8m².

Như vậy, với quá trình sử dụng như trên, bà C không đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất toàn bộ diện tích đã đăng ký vì có một phần diện tích liên quan đến đất công và lộ giới đường L.

Căn cứ Quyết định số 5812/QĐ-SGTVT của Sở Giao thông vận tải Thành phố H về thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp đường L (V) tại phường L, thành phố T, ngày 07/12/2017 UBND thành phố T đã ban hành Thông báo thu hồi đất số 1114/TB-UBND thu hồi đất tại địa chỉ B L có phần diện tích 33,2m² và tài sản trên đất nằm trong ranh giải tỏa. Vào ngày 19/12/2017, với sự chứng kiến của bà C, tổ công tác đã tiến hành kiểm đếm đất và tài sản trên đất thuộc phạm vi thu hồi đất.

Căn cứ Bản đồ hiện trạng số 08/2017/HĐ-GPMB (LT-32) do Trung tâm D1 lập ngày 20/7/2017; Biên bản kiểm đếm ngày 09/8/2018 của UBND Thành phố H cùng Chính sách bồi thường số 40/CS-HĐBT ngày 29/5/2020 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án nâng cấp đường L; Phương án số 39/PA-HĐBT ngày 29/5/2020 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được UBND quận T phê duyệt, tại Quyết định số 3381/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 đã

liệt kê bồi thường về hỗ trợ bằng 100% giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1 mặt tiền đường L đối với 30,2m² theo đơn giá 190.000 đồng/m², do đất chưa được cấp GCNQSD đất có nguồn gốc trước năm 1975 là khu đất trống thuộc vành đai nhà máy D2; sau năm 1975 Nhà nước tiếp quản nhà máy dệt và đổi tên thành Công ty D3, ông Nguyễn Văn B tự vào sử dụng và chuyển nhượng cho bà C sử dụng trước ngày 30/9/1993 đến nay. Trên đất có nhà xây dựng sau ngày 30/9/1995; phần diện tích 3,0m² đất theo tài liệu bản đồ 2004 thuộc đường (a1) do bà C tự sử dụng sau ngày 01/7/2004 không được bồi thường, hỗ trợ. Đối với nhà, vật kiến trúc có diện tích 16,7m² có kết cấu cột sắt, tường gạch tô, nền xi măng, mái tôn được xây dựng không phép sau ngày 30/9/1995 đến trước ngày 01/7/2004 và sử dụng đến sau ngày 01/7/2006 xây dựng lại nhà không phép nên không đủ điều kiện để hỗ trợ. Phần sân xi măng xây dựng không phép sau ngày 01/7/2006 không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ. Tổng số tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định 3382/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND quận T về hỗ trợ về đất, bồi thường hoa màu và thưởng chấp hành tốt việc di dời là 9.672.900 đồng.

Tại thời điểm giải quyết vụ án, Hội đồng bồi thường dự án này cũng đang rà soát nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của các trường hợp thuộc vành đai nhà máy D2 để báo cáo Ban chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ, tái định cư TP H xin chính sách hỗ trợ cho phù hợp với từng hộ dân bị ảnh hưởng – trong đó có gia đình bà C, khi có ý kiến hướng dẫn sẽ áp giá hỗ trợ bổ sung nêu có.

Với phân tích trên, bản án hành chính sơ thẩm đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, hủy các Quyết định hành chính bị kiện là không có căn cứ, vì các Quyết định trên căn cứ theo khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 để xác định gia đình bà không được bồi thường về đất mà chỉ được nhận hỗ trợ, diện tích đất đang sử dụng 454m² là vượt quá hạn mức đất ở, đồng thời xác định có 3m² đất nằm trên hành lang giao thông là phù hợp với quy định pháp luật.

Xét các Quyết định hành chính bị kiện đã ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; nội dung các quyết định về thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ là phù hợp với quy định của pháp luật đất đai và quá trình sử dụng đất của người khởi kiện nên yêu cầu khởi kiện của bà C là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Sau khi UBND thành phố T kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm và không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm tại Bản án Hành chính phúc thẩm số 44/2023/HC-PT ngày 09/02/2023.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 26/2024/HC-GĐT ngày 09/7/2024 của TAND tối cao đã hủy bản án Hành chính phúc thẩm, giao hồ sơ vụ án cho TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định pháp luật với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xác định gia đình bà C sử dụng phần đất 33,2m² làm nhà ở từ năm 2001 nên phải xác định diện tích đất này là đất ở để tính hỗ trợ khi thu hồi đất; Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng gia đình bà C đã sử dụng và làm nhà trên đất từ năm 2001 là trước thời điểm lập bản đồ 2004 và sử dụng ổn định,

liên tục cho đến khi bị thu hồi, không có tranh chấp khiếu nại, toàn bộ diện tích đất do gia đình bà C sử dụng chưa được cấp GCNQSD, trường hợp Nhà nước thu hồi hết diện tích đất còn lại thì sẽ tính diện tích 33,2m² này để bồi thường về đất ở theo hạn mức quy định để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C hủy các Quyết định 3382/QĐ-UBND và Quyết định 5693/QĐ-UBND, buộc UBND thành phố T có trách nhiệm chi trả, bồi thường, hỗ trợ đất bị thu hồi cho gia đình bà C là không đúng.

Xét đơn kháng cáo của UBND thành phố T được làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận là kháng cáo hợp lệ. Về nội dung kháng cáo như phân tích trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý đơn khởi kiện và xác định về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, với các chứng cứ đã thu thập, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là chưa giải quyết đúng theo hiện trạng sử dụng và tình trạng pháp lý của tài sản, cũng như diện tích đất bị thu hồi. Do các Quyết định hành chính nêu trên là hợp pháp và có căn cứ nên yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Hồng C là không có cơ sở. Án sơ thẩm đã tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, hủy một phần các quyết định bị kiện là chưa đúng quy định của khoản 8 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 do đất của bà C sử dụng chưa được cấp GCNQSD đất, phần diện tích đất bị thu hồi có liên quan đến hành lang lộ giới và lấn chiếm.

Theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

Án phí hành chính phúc thẩm người kháng cáo không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận. Án phí hành chính sơ thẩm người khởi kiện phải chịu do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, tuy nhiên do bà C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 963/2022/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206; Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Luật Khiếu nại năm 1998;

Điều a khoản 2 Điều 66, các điều 67, 69, 74, 75, 79, 82 và 83 Luật Đất đai năm 2013;

Điều 3, Điều 66, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Hồng C về việc yêu cầu hủy các Quyết định sau:

Hủy Quyết định số 3382/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp đường L (V) tại phường L, thành phố T và Quyết định số 5693/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh thông tin chủ tài sản tại địa chỉ B L, phường L, thành phố T (thuộc một phần thửa 37, tờ bản đồ số 13, tài liệu bản đồ 2004) bị ảnh hưởng trong phạm vi thực hiện dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đường L (V) tại phường L, thành phố T.

Ủy ban nhân dân thành phố T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Bà Trịnh Thị Hồng C được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- ĐS (4);
- Lưu VP(3), HS(2).16b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ